

TÒA ÁN NHÂN DÂN TP TV
TỈNH TRÀ VINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 08/2025/HNGĐ-ST

Ngày: 19-3-2025

V/v “Ly hôn, tranh chấp quyền nuôi con và cấp
dưỡng”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ TV, TỈNH TRÀ VINH

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Bùi Thảo Nguyên.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Cao Minh Sơn.

Bà Thạch Thị Mỹ Kim.

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Huỳnh Thị Cẩm Tú, Thư ký Tòa án nhân dân thành phố TV, tỉnh Trà Vinh.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố TV, tỉnh Trà Vinh tham gia phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Phương Thảo - Kiểm sát viên.

Trong ngày 19 tháng 3 năm 2025, tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố TV, tỉnh Trà Vinh, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 41/2025/TLST-HNGĐ, ngày 11 tháng 02 năm 2025, về việc “Ly hôn, tranh chấp quyền nuôi con và cấp dưỡng”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 10/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 28 tháng 02 năm 2025 giữa các đương sự:

1. **Nguyên đơn:** Ông **Mai Văn M**, sinh năm 1993 (có đơn xin xét xử vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp T, xã H, huyện L, tỉnh Quảng Trị.

2. **Bị đơn:** Bà **Thạch Thị Ra N**, sinh năm 1995. (có đơn xin xét xử vắng mặt)

Địa chỉ: Số 405, Khóm A, Phường B, thành phố TV, tỉnh Trà Vinh.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện và lời khai của ông Mai Văn M là nguyên đơn trình bày:

Năm 2017, ông M và bà Thạch Thị Ra N gặp nhau, tìm hiểu và phát sinh tình cảm yêu thương. Cùng năm 2017, ông M và bà Thạch Thị Ra N tổ chức lễ cưới, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường B, thành phố TV, tỉnh Trà Vinh.

Năm 2022, ông M và bà Thạch Thị Ra N phát sinh mâu thuẫn trong hôn nhân, thường xuyên cự cãi do bất đồng ý kiến và quan điểm trong cuộc sống. Cùng

năm 2022, ông M và bà Thạch Thị Ra N sống ly thân với nhau cho đến nay. Ông M không còn tình cảm yêu thương, quan tâm đối với bà Thạch Thị Ra N. Nên ông M yêu cầu Tòa án giải quyết cho ông Mạnh được ly hôn với bà Thạch Thị Ra N.

- Về con chung: Ông M và bà Thạch Thị Ra N có một người con chung tên Mai Vũ Huyền M1, sinh ngày 23/11/2018. Hiện cháu M1 đang sống chung với bà Thạch Thị Ra N. Ông M đồng ý giao cháu M1 cho bà Ra N nuôi dưỡng. Ông M đồng ý cấp dưỡng nuôi cháu M1 mỗi tháng là 3.000.000 đồng cho đến khi cháu M1 đủ 18 tuổi.

- Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn bà Thạch Thị Ra N trình bày và có yêu cầu như sau:

Bà Thạch Thị Ra N có lời khai phù hợp với lời khai của ông Mai Văn M về quan hệ hôn nhân, con chung, tài sản chung và nợ chung. Năm 2017, bà Thạch Thị Ra N và ông Mai Văn M tự tìm hiểu yêu thương và tiến đến hôn nhân với nhau, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường B, thành phố TV, tỉnh Trà Vinh. Trong quá trình chung sống có một người con chung tên Mai Vũ Huyền M1, sinh ngày 23/11/2018. Hiện tại cháu M1 đang sống chung với bà Thạch Thị Ra N. Trong thời gian sống chung giữa bà Thạch Thị Ra N và ông M phát sinh mâu thuẫn, vợ chồng không hòa hợp, không hạnh phúc. Vì vậy, ông M yêu cầu ly hôn, bà Thạch Thị Ra N đồng ý theo yêu cầu của ông Mạnh.

- Về con chung: Bà Thạch Thị Ra N yêu cầu được nuôi dưỡng cháu Mai Vũ Huyền M1. Đồng ý với mức cấp dưỡng mà ông M đã đưa ra là 3.000.000 đồng/tháng.

- Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Vị đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm:

1. Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật Tố tụng dân sự của Thẩm phán về việc giải quyết vụ án trong thời gian chuẩn bị xét xử; việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử và Thư ký tại phiên tòa sơ thẩm đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

2. Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Về án phí sơ thẩm: Ông Mai Văn M phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Ông Mai Văn M phải chịu án phí cấp dưỡng nuôi con chung là 300.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và kết quả tranh luận tại phiên tòa Tòa án nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng:

- Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Ông Mai Văn M yêu cầu được ly hôn với bà Thạch Thị Ra N, và yêu cầu giải quyết quyền nuôi con, cấp dưỡng trong cùng vụ án. Căn cứ vào khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng Dân sự, Tòa án xác định quan hệ pháp luật trong vụ án là “Ly hôn, tranh chấp quyền nuôi con và cấp dưỡng”. Bị đơn bà Thạch Thị Ra N cư trú tại Khóm A,

Phường B, thành phố TV, nên tranh chấp thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố TV theo điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng Dân sự.

- Về sự vắng mặt của đương sự: Ông Mai Văn M và bà Thạch Thị Ra N đều có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Do đó, Tòa án đưa vụ án ra xét xử vắng mặt ông Mai Văn M và bà Thạch Thị Ra N là phù hợp với quy định tại Điều 227 và Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

- Về quan hệ hôn nhân: Ông Mai Văn M và bà Thạch Thị Ra N qua quá trình tìm hiểu và tiến đến hôn nhân với nhau. Ông Mai Văn M và bà Thạch Thị Ra N có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường B, thành phố TV, tỉnh Trà Vinh, theo giấy chứng nhận kết hôn ngày 02/7/2019, nên quan hệ hôn nhân giữa ông Mai Văn M và bà Thạch Thị Ra N là hôn nhân hợp pháp theo Điều 8 và Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Ông Mai Văn M và bà Thạch Thị Ra N đều khẳng định trong quá trình chung sống, vợ chồng có cự cãi, dẫn đến tình cảm vợ chồng không còn. Ông Mai Văn M và bà Thạch Thị Ra N đều khẳng định không còn yêu thương, quan tâm chăm sóc lẫn nhau. Ông M và bà Ra N đã ly thân từ năm 2022 cho đến nay. Điều này chứng tỏ, tình trạng hôn nhân giữa ông M và bà Ra N đã mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần xem xét cho ông M được ly hôn với bà Ra N là phù hợp với quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

- Về con chung: Ông Mai Văn M và bà Thạch Thị Ra N có một người con chung tên Mai Vũ Huyền M1, sinh ngày 23/11/2018. Hiện cháu M1 đang sống chung với bà Thạch Thị Ra N. Ông Mai Văn M đồng ý giao cháu M1 cho bà Thạch Thị Ra N nuôi dưỡng. Bà Thạch Thị Ra N cũng có yêu cầu được nuôi dưỡng cháu M1. Vì vậy, giao cháu M1 cho bà Ra N nuôi dưỡng là phù hợp với quy định của pháp luật.

- Về cấp dưỡng nuôi con chung: Ông Mai Văn M đồng ý cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng là 3.000.000 đồng cho đến khi cháu M1 đủ 18 tuổi. Bà Thạch Thị Ra N thống nhất với mức cấp dưỡng mà ông Mạnh đưa ra.

- Về tài sản chung: Ông Mai Văn M và bà Thạch Thị Ra N khai không có, nên không xem xét giải quyết.

- Về nợ chung: Ông Mai Văn M và bà Thạch Thị Ra N khai không có, nên không xem xét giải quyết.

[3] Xét lời đề nghị của Vị đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ chấp nhận.

[4] Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Ông Mai Văn M phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng và 300.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con chung.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào Điều 8, Điều 9; Điều 51, Điều 55, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 107, Điều 110 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội. Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Mai Văn M.

1. Về quan hệ hôn nhân: Ông Mai Văn M được ly hôn với bà Thạch Thị Ra N.

2. Về con chung: Giao cháu Mai Vũ Huyền M1, sinh ngày 23/11/2018 cho bà Thạch Thị Ra N được tiếp tục trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng.

3. Về cấp dưỡng nuôi con chung: Ông Mai Văn M phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi cháu Mai Vũ Huyền M1 mỗi tháng là 3.000.000 đồng cho đến khi cháu M1 đủ 18 tuổi. Thời gian cấp dưỡng được tính kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

4. Về tài sản chung: Ông Mai Văn M và bà Thạch Thị Ra N khai không có, nên không xem xét giải quyết.

5. Về nợ chung: Ông Mai Văn M và bà Thạch Thị Ra N khai không có, nên không xem xét giải quyết.

6. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Ông Mai Văn M phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng và 300.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con chung. Nhưng được cản trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng mà ông M đã đóng theo biên lai thu tiền số 0001162 ngày 15/01/2025 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố TV. Ông M phải nộp tiếp số tiền án phí 300.000 đồng.

7. Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận

- Đường sự;
- Tòa án ND tỉnh Trà Vinh;
- VKSND TP.TV;
- Chi cục THADS TP. TV;
- Ủy ban nhân dân Phường B, TP TV, Trà Vinh;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Bùi Thảo Nguyên